

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ QUÝ II NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Cao Bằng)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý II năm 2024	So sánh ước thực hiện so với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	329.130	182.770	55,53	132,41
I	Thu cân đối NSNN	329.130	182.770	55,53	132,41
1	Thu Nội địa	329.130	182.770	55,53	132,41
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	469.971	174.723	66,21	97,16
I	Chi cân đối ngân sách	449.619	168.894	37,56	97,16
1	Chi đầu tư phát triển	15.691	8,6	0,05	0,03
2	Chi thường xuyên	425.089	168.885	39,73	115,85
3	Dự phòng ngân sách	8.839		-	-
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	20.352	5.829	28,64	

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Cao Bằng)

ĐV tính: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý II năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3=2/I	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	329.130	182.770	55,53	132,41
I	Thu nội địa	329.130	182.770	55,53	132,41
1	Thu từ DNNN do TW quản lý	900	2.057	228,56	493,29
2	Thu từ DNNN do địa phương quản lý	10.700	5.891	55,06	79,14
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	123.620	73.461	59,42	153,72
4	Thuế thu nhập cá nhân	27.080	20.728	76,54	150,96
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	35.000	19.519	55,77	152,53
7	Thu phí, lệ phí	17.400	10.604	60,94	116,95
8	Các khoản thu về nhà, đất	91.425	36.843	40,30	233,82
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.750	441	25,20	122,84
-	Thu tiền sử dụng đất	64.600	29.862	46,23	283,46
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	25.075	6.540	26,08	134,48
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu đóng góp từ hoạt động khoáng sản	7.505	1.159	15,44	10,77
10	Thu khác ngân sách	15.500	12.508	80,70	61,68
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	211.102	125.477	59,44	146,47
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	211.102	125.477	59,44	146,47

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Cao Bằng)

ĐV tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý II năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3=2/I	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	469.971	174.723	37,18	53,86
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	449.619	168.894	37,56	95,83
I	Chi đầu tư phát triển	15.691	8,6	0,05	0,03
1	Chi đầu tư cho các dự án	6.839	8,6	0,13	0,03
2	Chi đầu tư phát triển khác	8.852			
II	Chi thường xuyên	425.089	168.885	39,73	113,96
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục-đào tạo và dạy nghề	207.037	84.209	40,67	116,03
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	16.922	8.245	48,72	123,41
4	Chi văn hoá thông tin	2.282	677	29,67	151,69
5	Chi phát thanh truyền hình	1.689	784	46,42	162,20
6	Chi thể dục thể thao	384	130	33,85	87,58
7	Chi bảo vệ môi trường	40.110	14.217	35,45	86,43
8	Chi hoạt động kinh tế	38.944	10.638	27,32	93,01
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	80.409	39.752	49,44	130,03
10	Chi đảm bảo xã hội	11.466	7.087	61,81	101,72
III	Dự phòng Ngân sách	8.839		0,00	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	20.352	5.829	28,64	
1	Chi các chương trình MTQG	10.352	64,3	0,62	
2	Chi chương trình mục tiêu nhiệm vụ	10.000	5.765	57,65	